

**BÁO CÁO THUYẾT MINH**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THỊ XÃ**  
**QUÝ III NĂM 2021**

**I. Thu ngân sách (Biểu số 94/CK-NSNN)**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (thu nội địa) trong quý III/2021, số tiền: 33.223 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 152.401 triệu đồng, đạt 40,03% dự toán, so cùng kỳ giảm 27,59 %. cụ thể như sau:

- Có 03 chỉ tiêu thu đạt cao so với mức bình quân chung (70%):

+ Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 272 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 1.969 triệu đồng, đạt 78,76 % dự toán.

+ Thu khác ngân sách: 1.528 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 6.354 triệu đồng, đạt 78,44 % dự toán.

+ Thu khác tại xã: 1.431 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 3.063 triệu đồng, đạt 133,17 % dự toán.

- Có 06 chỉ tiêu thu không đạt mức bình quân chung (70%):

+ Thu phí lệ phí: 170 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 3.639 triệu đồng, đạt 55,98 % dự toán.

+ Thuế thu nhập cá nhân: 4.390 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 24.848 triệu đồng, đạt 65,39% dự toán

+ Thu thu từ kinh tế ngoài quốc doanh: 15.645 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 56.625 triệu đồng, đạt 51,11 % dự toán.

+ Lệ phí trước bạ nhà đất: 2.863 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 23.717 triệu đồng, đạt 31,62 % dự toán.

+ Các khoản thu về nhà đất: 7.164 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 34.119 triệu đồng, đạt 24,38% dự toán.

+ Thu tiền sử dụng đất: 6.892 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 32.113 triệu đồng, đạt 38,00 % dự toán.

**II. Chi ngân sách (Biểu số 93/CK-NSNN, Biểu số 95/CK-NSNN)**

- Ngân sách địa phương cân đối điều hành chi trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo nguồn hoạt động thường xuyên, chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các khoản chi thiết yếu khác. Tổng chi ngân sách địa phương quý III/2021 là 157.666 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 476.471 triệu đồng, đạt 89,24% dự toán, so cùng kỳ tăng 1,12% bao gồm:

1. Chi đầu tư phát triển: 157.666 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 186.619 triệu đồng đạt 147,37 % so dự toán.



2. Chi thường xuyên: 104.745 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 289.852 triệu đồng, đạt 72,72% so dự toán, bao gồm:

- Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề: 48.544 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 146.515 triệu đồng, đạt 69,11 % so dự toán.

- Chi SN VHHTT và truyền thanh: 329 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 1.267 triệu đồng, đạt 43,70 % so dự toán.

- Chi y tế, dân số và gia đình: 880 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 2.661 triệu đồng, đạt 64,90 % so dự toán.

- Chi sự nghiệp thể thao: 237 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 337 triệu đồng, đạt 43,04 % so dự toán.

- Chi sự nghiệp môi trường: 5.397 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 10.026 triệu đồng, đạt 47,38 % so dự toán.

- Chi sự nghiệp kinh tế: 12.706 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 32.356 triệu đồng, đạt 102,39 % so dự toán.

- Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 15.098 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 50.130 triệu đồng, đạt 81,24 % so dự toán.

- Chi đảm bảo xã hội: 15.623 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 29.198 triệu đồng, đạt 90,92 % so dự toán.

- Chi quốc phòng-an ninh: 5.009 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 16.169 triệu đồng, đạt 57,72 % so dự toán.

- Chi khác: 52 triệu đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2021 là 324 triệu đồng, đạt 11,60 % so dự toán.

Trên đây là báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tài chính Tây Ninh;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Văn phòng Thị ủy;
- Các phòng, ban thuộc UBND thị xã;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã;
- Tòa án nhân dân thị xã;
- LĐVP;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Vân**





## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Thực hiện quý III năm 2021	Lý kế đến ngày 30/9/2021	So sánh thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	$4=3/I$	<i>5</i>
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>533.940</b>	<b>160.926</b>	<b>484.178</b>	<b>30,14</b>	<b>48,85</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>388.348</b>	<b>33.662</b>	<b>159.823</b>	<b>8,67</b>	<b>21,58</b>
1	Thu nội địa (số thu điều tiết)	388.348	33.662	159.823	41,15	21,58
2	Thu viện trợ					
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>145.592</b>	<b>119.536</b>	<b>245.264</b>		
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>			<b>71.363</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm 2020</b>		<b>7.728</b>	<b>7.728</b>		
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>533.940</b>	<b>157.666</b>	<b>476.471</b>	<b>89,24</b>	<b>33,46</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>533.940</b>	<b>157.666</b>	<b>476.471</b>	<b>89,24</b>	<b>34,82</b>
1	Chi đầu tư phát triển	126.630	52.921	186.619	147,37	31,49
2	Chi thường xuyên	397.410	103.881	288.988	72,72	36,48
3	Tạm chi chưa đưa vào cân đối NSNN		864	864		
4	Chi dự phòng ngân sách	9.900			0,00	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn BS có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>					

**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2021**



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý III năm 2021	Lý kế đến ngày 30/9/2021	So sánh thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>380.670</b>	<b>33.223</b>	<b>152.401</b>	<b>40,03</b>	<b>72,41</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>380.670</b>	<b>33.223</b>	<b>152.401</b>	<b>40,03</b>	<b>72,41</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	110.800	15.645	56.625	51,11	78,42
4	Thuế thu nhập cá nhân	38.000	4.390	24.848	65,39	100,65
5	Thuế bảo vệ môi trường	0	0			
6	Lệ phí trước bạ	75.000	2.863	23.717	31,62	74,37
7	Thu phí, lệ phí	6.500	190	3.639	55,98	95,34
8	Các khoản thu về nhà, đất	139.970	7.164	34.119	24,38	47,44
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0			
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.500	272	1.969	78,76	97,28
-	Thu tiền sử dụng đất	84.500	6.892	32.113	38,00	45,96
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	52.970	0	37	0,07	0,00
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
9	Thu từ cấp giấy phép khai thác tài nguyên		12	36		28,13
10	Thu khác ngân sách	8.100	1.528	6.354	78,44	193,90
11	Thu khác tại xã (bao gồm: Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác)	2.300	1.431	3.063	133,17	120,69
<b>II</b>	<b>Các khoản thu quản lý qua ngân sách</b>					
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>388.348</b>	<b>35.501</b>	<b>161.662</b>	<b>41,63</b>	<b>16,96</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	235.738	33.921	149.705	63,50	75,60
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	152.610	1.580	11.957	7,84	0,07





**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2021**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Thực hiện quý III năm 2021	Lý kế đến ngày 30/9/2021	So sánh thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3	4=3/1	5
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>533.940</b>	<b>157.666</b>	<b>318.805</b>	<b>29,53</b>	<b>34,82</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>533.940</b>	<b>157.666</b>	<b>318.805</b>	<b>29,53</b>	<b>34,82</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>126.630</b>	<b>52.921</b>	<b>133.698</b>	<b>41,79</b>	<b>31,49</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	108.230	50.845	128.176	118,43	77,09
2	Chi ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội	1.500	0	1.500	100,00	83,33
3	Chi đầu tư tạo lập Quỹ phát triển đất tỉnh	16.900	2.076	4.022	23,80	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>397.410</b>	<b>104.745</b>	<b>185.107</b>	<b>26,36</b>	<b>36,78</b>
	<i>Trong đó:</i>					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	212.010	48.544	97.971	46,21	67,28
2	Chi khoa học và công nghệ	230	6		0,00	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	4.100	880	1.781	43,44	69,71
4	Chi sự nghiệp VH TT và truyền thanh	2.899	329	938	32,36	32,31
6	Chi thể dục thể thao	783	237	100	12,77	71,94
7	Chi bảo vệ môi trường	21.160	5.397	4.629	21,88	48,91
8	Chi hoạt động kinh tế	31.602	12.706	19.649	62,18	69,51
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	61.705	15.098	35.032	56,77	72,17
10	Chi bảo đảm xã hội	32.115	15.623	13.575	42,27	47,20
11	Chi quốc phòng-an ninh	28.013	5.009	11.160	39,84	67,48
12	Chi khác	2.793	52	272	9,74	13,59
13	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên		0			
14	Tạm chi chưa đưa vào cân đối NSNN		864			
<b>III</b>	<b>Chi NS xã, phường</b>					
<b>IV</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>9.900</b>				